

Biểu số 33/2019
Thống kê vi phạm pháp luật trong hoạt động tư pháp

Ghi chú: Đối với các tiêu chí thống kê của **Biểu số 33 (Thống kê vi phạm trong hoạt động tư pháp)** chỉ áp dụng cho **Kỳ báo cáo thống kê Tháng** nên các đơn vị chỉ thực hiện thống kê số liệu phát sinh trong tháng (**số mới**) mà không thống kê số liệu phát sinh và đã thống kê ở kỳ thống kê trước (**số cũ**).

1. Vi phạm trong giai đoạn tiếp nhận, giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm, kiến nghị khởi tố:

- **Dòng 1 (Số tố giác, tin báo về tội phạm, kiến nghị khởi tố thuộc thẩm quyền không thụ lý):** thống kê số tố giác, tin báo về tội phạm, kiến nghị khởi tố xảy ra trên địa phận (lãnh thổ), thuộc lĩnh vực quản lý và loại tội phạm mà luật quy định thuộc thẩm quyền điều tra của các CQĐT nhưng không vào sổ thụ lý để giải quyết (Điều 145, 146 BLTTHS).

- **Dòng 2/ 3/ 5/ 6 (CQĐT Công an nhân dân/ CQĐT Quân đội nhân dân/ CQĐT Viện KSND tối cao/ Cơ quan khác được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra):** Phân tổ của Dòng 1 theo từng Cơ quan điều tra.

- **Dòng 4 (Cơ quan điều tra của VKSQS Trung ương):** thống kê số tố giác, tin báo về tội phạm, kiến nghị khởi tố thuộc thẩm quyền nhưng Cơ quan điều tra của VKSQS Trung ương không thụ lý để điều tra theo thẩm quyền (phân tổ thêm của Dòng 3. CQĐT của Quân đội nhân dân).

- **Dòng 7 (Số tố giác, tin báo về tội phạm, kiến nghị khởi tố thụ lý giải quyết không đúng thẩm quyền):** thống kê số tố giác, tin báo về tội phạm, kiến nghị khởi tố mà các CQĐT đã thụ lý giải quyết nhưng không đúng thẩm quyền trong kỳ thống kê như: Tội phạm không xảy ra trên địa phận (lãnh thổ), không thuộc lĩnh vực quản lý và loại tội phạm mà luật quy định không thuộc thẩm quyền điều tra của từng CQĐT (Điều 145, 146 BLTTHS).

- **Dòng 8/ 9/ 11/ 12 (CQĐT Công an nhân dân/ CQĐT Quân đội nhân dân/ CQĐT Viện KSND tối cao/ Cơ quan khác được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra):** Phân tổ của Dòng 6 theo từng Cơ quan điều tra.

- **Dòng 10 (Cơ quan điều tra của VKSQS Trung ương):** thống kê số tố giác, tin báo về tội phạm, kiến nghị khởi tố do Cơ quan điều tra của VKSQS Trung ương thụ lý giải quyết không đúng thẩm quyền (phân tổ thêm của Dòng 9. CQĐT của Quân đội nhân dân).

- **Dòng 13 (Số tố giác, tin báo về tội phạm, kiến nghị khởi tố đã quá thời hạn khi ra QĐ khởi tố, QĐ không khởi tố hoặc tạm đình chỉ):** thống kê số tố giác, tin báo về tội phạm, kiến nghị khởi tố đã quá thời hạn giải quyết nhưng các CQĐT thuộc Công an nhân dân, Quân đội nhân dân, VKS Tối cao và

một số cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra không ban hành các QĐ khởi tố, QĐ không khởi tố vụ án hoặc tạm đình chỉ việc giải quyết.

- **Dòng 14 (Cơ quan điều tra của Công an nhân dân):** thống kê số tố giác, tin báo về tội phạm, kiến nghị khởi tố đã quá thời hạn giải quyết nhưng CQĐT thuộc Công an nhân dân không ban hành các QĐ khởi tố, QĐ không khởi tố vụ án hoặc tạm đình chỉ việc giải quyết.

- **Dòng 15 (Số tố giác, tin báo về tội phạm, kiến nghị khởi tố CQĐT quyết định tạm đình chỉ việc giải quyết không đúng pháp luật):** thống kê số tố giác, tin báo về tội phạm và kiến nghị khởi tố cơ quan có thẩm quyền tạm đình chỉ việc giải quyết không đúng pháp luật (Điều 148 BLTTHS).

- **Dòng 16 (Số tố giác, tin báo về tội phạm, kiến nghị khởi tố đã quá thời hạn):** thống kê số tin báo tội phạm mà các cơ quan có thẩm quyền thụ lý giải quyết nhưng đã quá thời hạn mà chưa ban hành quyết định giải quyết (quyết định khởi tố, quyết định không khởi tố vụ án hình sự) hoặc đã quá thời hạn giải quyết mới ban hành quyết định giải quyết (quyết định khởi tố, quyết định không khởi tố vụ án hình sự) quy định tại Điều 147 BLTTHS.

- **Dòng 17/ 18/ 20/ 21 (CQĐT Công an nhân dân/ CQĐT Quân đội nhân dân/ CQĐT Viện KSND tối cao/ Cơ quan khác được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra):** Phân tổ của Dòng 16 theo từng cơ quan điều tra.

- **Dòng 19 (Cơ quan điều tra của VKSQS Trung ương):** thống kê số tố giác, tin báo về tội phạm, kiến nghị khởi tố thuộc thẩm quyền thụ lý, giải quyết của Cơ quan điều tra của VKSQS Trung ương nhưng đã quá thời hạn mà chưa ban hành quyết định giải quyết (phân tổ thêm của Dòng 18. CQĐT của Quân đội nhân dân).

- **Dòng 22 (Số tố giác, tin báo về tội phạm, kiến nghị khởi tố đã ra QĐ giải quyết nhưng không gửi hoặc gửi không đúng thời hạn giải quyết cho VKS):** thống kê số tố giác, tin báo về tội phạm, kiến nghị khởi tố mà cơ quan có thẩm quyền đã giải quyết (ra quyết định khởi tố hoặc quyết định không khởi tố vụ án hình sự) nhưng không gửi kết quả giải quyết này cho VKS cùng cấp để thực hành quyền công tố và kiểm sát việc giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm và kiến nghị khởi tố.

- **Dòng 23/ 24/ 25/ 26 (CQĐT Công an nhân dân, CQĐT Quân đội nhân dân/ CQĐT Viện KSND tối cao/ Cơ quan khác được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra):** Phân tổ của Dòng 22 theo từng Cơ quan điều tra.

- **Dòng 27 (Số quyết định của VKS hủy bỏ quyết định tạm đình chỉ việc giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm, kiến nghị khởi tố không đúng pháp luật):** thống kê số quyết định của VKS hủy bỏ quyết định tạm đình chỉ việc giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm và kiến nghị khởi tố của CQĐT không có căn cứ và trái pháp luật.

- **Dòng 28 (Số vụ án VKS ra quyết định huỷ bỏ quyết định không khởi tố vụ án và ra quyết định khởi tố vụ án để điều tra):** thống kê những trường hợp khi các cơ quan có thẩm quyền ra quyết định không khởi tố vụ án hình sự không có căn cứ và trái pháp luật đã bị VKS ra quyết định huỷ bỏ quyết định không khởi tố vụ án và ra quyết định khởi tố vụ án hình sự (khoản 6 Điều 159 BLTTHS).

- **Dòng 29/30/31/32 (CQĐT Công an nhân dân/ CQĐT Quân đội nhân dân/ CQĐT Viện KSND tối cao/ Cơ quan khác được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra):** thống kê vi phạm của từng CQĐT tại Dòng 28.

- **Dòng 33 (Số tố giác, tin báo về tội phạm và kiến nghị khởi tố xác định đủ căn cứ pháp luật nhưng CQĐT không khởi tố mà VKS không yêu cầu CQĐT khởi tố vụ án hoặc VKS không khởi tố vụ án yêu cầu điều tra):** thống kê số tố giác, tin báo về tội phạm, kiến nghị khởi tố xác định đủ căn cứ pháp luật nhưng CQĐT không khởi tố mà VKS không yêu cầu CQĐT khởi tố vụ án hoặc VKS không khởi tố vụ án yêu cầu điều tra.

- **Dòng 34 (Số quyết định của VKS huỷ bỏ quyết định không khởi tố vụ án của CQĐT không có căn cứ pháp luật):** thống kê số quyết định của VKS huỷ bỏ quyết định không khởi tố vụ án hình sự của CQĐT không có căn cứ và trái pháp luật.

- **Dòng 35 (Số tố giác, tin báo về tội phạm, kiến nghị khởi tố có vi phạm khác trong thụ lý và giải quyết):** thống kê số tố giác, tin báo về tội phạm, kiến nghị khởi tố có các vi phạm không thuộc các vi phạm nêu từ Dòng 01 - Dòng 29 trong thụ lý và giải quyết (bao gồm cả VKS).

2. Vi phạm trong giai đoạn khởi tố, điều tra, truy tố các vụ án hình sự:

- **Dòng 36 (Số lệnh, quyết định trong khởi tố, điều tra có vi phạm):** thống kê các lệnh, quyết định tố tụng của CQĐT vi phạm về thời hạn, trình tự, thủ tục, thẩm quyền ...

- **Dòng 37 (Số lần vi phạm trong việc thu thập tài liệu, chứng cứ):** thống kê những vi phạm trong thực nghiệm điều tra, nhận dạng, trưng cầu giám định, nhận biết giọng nói, định giá tài sản ...; vi phạm trong hỏi cung bị can, lấy lời khai người làm chứng...; vi phạm trong khám nghiệm hiện trường, tử thi... của CQĐT.

- **Dòng 38/ 39/ 40 (Số lần vi phạm trong thực nghiệm điều tra, nhận dạng, trưng cầu giám định, nhận biết giọng nói, định giá tài sản.../ Số lần vi phạm trong hỏi cung bị can, lấy lời khai người làm chứng.../ Số lần vi phạm trong khám nghiệm hiện trường, tử thi...):** Phân tổ của Dòng 37 theo từng cơ quan điều tra.

- **Dòng 41 (Số lần vi phạm trong việc giao nhận các biên bản, tài liệu điều tra theo khoản 5 Điều 88 BLTTHS):** thống kê số lần vi phạm trong việc

giao nhận các biên bản, tài liệu điều tra theo khoản 5 Điều 88 BLTTHS như: Trong thời hạn 5 ngày kể từ ngày lập biên bản về hoạt động điều tra... CQĐT không chuyển biên bản, tài liệu điều tra để kiểm sát...

- **Dòng 42 (CQĐT của Công an nhân dân):** phân tổ theo CQĐT của Công an nhân dân của Dòng 41.

- **Dòng 43 (Số vụ án bị VKS huỷ bỏ việc áp dụng biện pháp điều tra tố tụng đặc biệt do có vi phạm trong quá trình áp dụng):** thống kê số vụ án bị VKS huỷ bỏ việc áp dụng biện pháp điều tra tố tụng đặc biệt do có vi phạm trong quá trình áp dụng (khoản 2 Điều 228 BLTTHS).

- **Dòng 44 (Số vụ án vi phạm về phục hồi điều tra):** thống kê số vụ án khi có căn cứ để huỷ bỏ quyết định đình chỉ (người bị hại rút yêu cầu khởi tố, tự ý nửa chừng chấm dứt tội phạm, miễn trách nhiệm hình sự...), huỷ bỏ quyết định tạm đình chỉ điều tra (bị can không mắc bệnh tâm thần hoặc bệnh hiểm nghèo...) nhưng CQĐT không ra quyết định phục hồi để điều tra (Điều 235 BLTTHS).

- **Dòng 45 (Số lần vi phạm trong việc bảo quản và xử lý vật chứng):** thống kê những vi phạm quy định về bảo quản và xử lý vật chứng như: Vật chứng là công cụ, phương tiện phạm tội nhưng không tịch thu, sung quỹ Nhà nước; vật chứng là hàng hoá mau hỏng, khó bảo quản nhưng không được bán theo quy định của pháp luật... (quy định tại Điều 89, 90, 105, 106 BLTTHS).

- **Dòng 46 (Số lần vi phạm quy định về truy nã bị can):** thống kê những trường hợp khi có căn cứ để truy nã bị can nhưng CQĐT không ra quyết định truy nã, quyết định truy nã không được thông báo trên các phương tiện thông tin đại chúng... (Điều 231 BLTTHS).

- **Dòng 47 (Số lần vi phạm quy định về bào chữa trong giai đoạn điều tra):** thống kê những vi phạm về trình tự, thủ tục, thời hạn cấp Giấy đăng ký bào chữa; vi phạm quyền được bào chữa; không cử người bào chữa cho người bị tạm giữ, bị can theo quy định bắt buộc phải có người bào chữa; từ chối hoặc cấp Giấy đăng ký bào chữa không đúng quy định... (quy định từ Điều 74 - 84 BLTTHS).

- **Dòng 48 (Số vụ án vi phạm về thời hạn điều tra):** thống kê số vụ án vi phạm về thời hạn điều tra đối với từng loại tội phạm (ít nghiêm trọng, nghiêm trọng, rất nghiêm trọng, đặc biệt nghiêm trọng) và thời hạn gia hạn điều tra vụ án hình sự... (Điều 172 BLTTHS).

- **Dòng 49 (Số lần vi phạm các quy định về thông báo tiếp xúc lãnh sự trong các vụ án liên quan đến người nước ngoài):** thống kê những vi phạm về nguyên tắc hợp tác quốc tế trong hoạt động tố tụng hình sự; quy định về dẫn độ, chuyển giao hồ sơ, tài liệu... liên quan đến người nước ngoài (quy định từ Điều 497 - Điều 508 BLTTHS).

- **Dòng 50 (Số vụ án VKS ra quyết định huỷ bỏ quyết định khởi tố vụ án hình sự):** thống kê số vụ án VKS ra quyết định huỷ bỏ quyết định khởi tố vụ

án hình sự của CQĐT do quyết định khởi tố vụ án hình sự của CQĐT không có căn cứ và trái pháp luật (Điều 161 BLTTHS).

- **Dòng 51 (Số bị can VKS ra quyết định huỷ bỏ quyết định khởi tố bị can):** thống kê số bị can VKS ra quyết định huỷ bỏ quyết định khởi tố bị can của CQĐT do quyết định khởi tố bị can của CQĐT không có căn cứ và trái pháp luật (Điều 179 BLTTHS).

- **Dòng 52 (Số vụ án VKS ra quyết định huỷ bỏ quyết định thay đổi, bổ sung quyết định khởi tố vụ án hình sự):** thống kê số vụ án VKS quyết định huỷ bỏ quyết định thay đổi, bổ sung quyết định khởi tố vụ án của CQĐT do quyết định thay đổi, bổ sung quyết định khởi tố vụ án hình sự của CQĐT không có căn cứ và trái pháp luật (Điều 161 BLTTHS).

- **Dòng 53 (Số bị can VKS ra quyết định huỷ bỏ quyết định thay đổi, bổ sung quyết định khởi tố bị can):** thống kê số bị can VKS ra quyết định huỷ bỏ quyết định thay đổi, bổ sung quyết định khởi tố bị can của CQĐT do quyết định thay đổi, bổ sung quyết định khởi tố bị can của CQĐT không có căn cứ và trái pháp luật (Điều 180 BLTTHS).

- **Dòng 54 (Số vụ án VKS ra quyết định huỷ bỏ quyết định nhập, tách vụ án hình sự):** thống kê số vụ án VKS ra quyết định huỷ bỏ quyết định nhập, tách vụ án hình sự để điều tra của CQĐT trái pháp luật, làm ảnh hưởng đến việc xác định sự thật khách quan và toàn diện vụ án... (Điều 170 BLTTHS).

- **Dòng 55 (Số vụ án VKS ra quyết định huỷ bỏ quyết định đình chỉ điều tra vụ án):** thống kê số vụ án VKS ra quyết định huỷ bỏ quyết định đình chỉ điều tra vụ án của CQĐT do quyết định đình chỉ điều tra vụ án không có căn cứ và trái pháp luật (quy định tại Điều 155; khoản 1, 2, 7 Điều 157; điểm b khoản 1 Điều 230 BLTTHS; khoản 1, 2, 3 Điều 29; khoản 2 Điều 91 BLHS).

- **Dòng 56 (Số bị can VKS ra quyết định huỷ bỏ quyết định đình chỉ điều tra vụ án đối với bị can):** thống kê số bị can VKS ra quyết định huỷ bỏ quyết định đình chỉ điều tra vụ án của CQĐT do quyết định đình chỉ điều tra vụ án đối với bị can của CQĐT không có căn cứ và trái pháp luật (quy định tại Điều 155; khoản 1, 2, 7 Điều 157; điểm b khoản 1 Điều 230 BLTTHS; khoản 1, 2, 3 Điều 29; khoản 2 Điều 91 BLHS).

- **Dòng 57 (Số vụ án VKS ra quyết định huỷ bỏ quyết định tạm đình chỉ điều tra vụ án):** thống kê số vụ án VKS ra quyết định huỷ bỏ quyết định tạm đình chỉ điều tra vụ án của CQĐT do quyết định tạm đình chỉ điều tra vụ án của CQĐT không có căn cứ và trái pháp luật (Điều 229 BLTTHS).

- **Dòng 58 (Số bị can VKS ra quyết định huỷ bỏ quyết định tạm đình chỉ điều tra vụ án đối với bị can):** thống kê số bị can VKS quyết định huỷ bỏ quyết định tạm đình chỉ điều tra bị can của CQĐT do quyết định tạm đình chỉ điều tra vụ án đối với bị can của CQĐT không có căn cứ và trái pháp luật như: Bị can không bị bệnh tâm thần hoặc bỏ trốn... (Điều 229 BLTTHS).

- **Dòng 59 (Số quyết định của VKS huỷ bỏ quyết định khởi tố vụ án hình sự không có căn cứ pháp luật):** thống kê số quyết định của VKS huỷ bỏ quyết định khởi tố vụ án của CQĐT không có căn cứ pháp luật quy định tại Điều 165 BLTTHS (quyết định huỷ bỏ của VKS không có căn cứ và trái pháp luật).

- **Dòng 60 (Số bị can VKS vi phạm thời hạn phê chuẩn quyết định khởi tố bị can):** thống kê số bị can VKS chậm phê chuẩn như: Trong thời hạn 3 ngày, kể từ ngày nhận được quyết định khởi tố bị can, VKS phải quyết định phê chuẩn hoặc huỷ bỏ quyết định khởi tố bị can (khoản 3 Điều 179 BLTTHS).

- **Dòng 61 (Số vụ án VKS huỷ bỏ việc áp dụng biện pháp điều tra tố tụng đặc biệt không có căn cứ pháp luật):** thống kê số vụ án VKS ra quyết định huỷ bỏ việc áp dụng biện pháp điều tra tố tụng đặc biệt của CQĐT không có căn cứ và trái pháp luật (Điều 228 BLTTHS).

- **Dòng 62 (Số bị can VKS phê chuẩn quyết định khởi tố bị can không có căn cứ pháp luật sau đó phải đình chỉ điều tra do không phạm tội):** thống kê số bị can VKS quyết định phê chuẩn quyết định khởi tố bị can sau đó phải đình chỉ điều tra do không phạm tội quy định tại Điều 157 BLTTHS (hành vi không cấu thành tội phạm, chưa đến tuổi chịu trách nhiệm hình sự hoặc hết thời hiệu truy cứu TNHS...).

- **Dòng 63 (Số bị can VKS không phê chuẩn quyết định khởi tố bị can không có căn cứ pháp luật):** thống kê số bị can VKS quyết định không phê chuẩn quyết định khởi tố bị can không có căn cứ và trái pháp luật (quyết định không phê chuẩn của VKS là trái pháp luật).

- **Dòng 64 (Số quyết định của VKS bị VKS cấp trên huỷ bỏ do không có căn cứ pháp luật):** thống kê số quyết định của VKS cấp dưới bị VKS cấp trên huỷ bỏ như: Quyết định khởi tố vụ án hình sự; quyết định phê chuẩn quyết định khởi tố bị can; quyết định xử lý vật chứng; quyết định đình chỉ, tạm đình chỉ... (quyết định của VKS cấp dưới là trái pháp luật).

- **Dòng 65 (Số lần vi phạm quy định về bảo đảm quyền bào chữa của bị can trong giai đoạn truy tố):** thống kê số lần vi phạm: Về trình tự, thủ tục, thời hạn cấp Giấy đăng ký người bào chữa; vi phạm quyền được bào chữa; không chỉ định người bào chữa cho người bị tạm giữ, bị can theo quy định bắt buộc phải có người bào chữa; từ chối hoặc cấp Giấy đăng ký người bào chữa không đúng quy định của cơ quan VKS... (quy định từ Điều 72 - 84 BLTTHS).

- **Dòng 66 (Số vụ án vi phạm về thời hạn truy tố):** thống kê số vụ án VKS vi phạm về thời hạn truy tố đối với từng loại tội phạm (20 ngày đối với tội phạm ít nghiêm trọng và nghiêm trọng; 30 ngày đối với tội phạm rất nghiêm trọng và đặc biệt nghiêm trọng); vi phạm thời hạn gia hạn thời hạn truy tố (10 ngày đối với tội phạm ít nghiêm trọng và nghiêm trọng; 15 ngày đối với tội phạm rất nghiêm trọng và 30 ngày đối với tội phạm đặc biệt nghiêm trọng)... (Điều 240 BLTTHS).

- **Dòng 67/68 (Số vụ án/ Số bị can VKS đình chỉ không có căn cứ pháp luật):** thống kê số vụ án, bị can cơ quan VKS ra quyết định đình chỉ không có căn cứ và trái pháp luật (Điều 248 BLTTHS).

- **Dòng 69/70 (Số vụ án/ Số bị can VKS tạm đình chỉ không có căn cứ pháp luật):** thống kê số quyết định tạm đình chỉ của VKS đối với vụ án, bị can không có căn cứ và trái pháp luật (Điều 247 BLTTHS).

- **Dòng 71 (Số vụ án vi phạm trong việc quyết định truy tố):** thống kê số vụ án mà VKS truy tố bằng bản Cáo trạng vi phạm về nội dung, hình thức như: Thâm quyền, truy tố sai điều luật... (Điều 239, 243 BLTTHS).

- **Dòng 72 (Số vụ án có vi phạm khác trong khởi tố, điều tra, truy tố các vụ án hình sự):** thống kê số vụ án có các vi phạm khác không thuộc các vi phạm nêu trên (từ Dòng 36 - Dòng 71) trong khởi tố, điều tra, truy tố các vụ án hình sự như: Thiếu thủ tục tố tụng, thực hiện yêu cầu điều tra của Viện kiểm sát không đầy đủ...

3. Vi phạm trong việc áp dụng, thay đổi, huỷ bỏ các biện pháp ngăn chặn và biện pháp cưỡng chế:

- **Dòng 73 (Số lệnh, quyết định áp dụng, thay đổi, huỷ bỏ biện pháp ngăn chặn có vi phạm):** thống kê số lệnh, quyết định có các vi phạm về hình thức (thâm quyền, căn cứ pháp luật ban hành lệnh, quyết định); vi phạm về nội dung (tạm giam đối với người già, phụ nữ có thai...); quyết định thay đổi, huỷ bỏ tạm giam không có căn cứ pháp luật dẫn đến bị can bỏ trốn hoặc phạm tội mới... (quy định từ Điều 109 - 125 BLTTHS).

- **Dòng 74/76/77 (CQĐT/ Cơ quan VKS/ Cơ quan Tòa án):** thống kê vi phạm của CQĐT, VKS, Tòa án tại Dòng 73.

- **Dòng 75 (Số lệnh bắt người bị giữ trong trường hợp khẩn cấp):** thống kê số lệnh bắt người bị giữ trong trường hợp khẩn cấp của CQĐT.

- **Dòng 78 (Số lần vi phạm trong việc gửi, tổng đạt, thông báo, niêm yết... các lệnh, quyết định áp dụng, thay đổi, huỷ bỏ các biện pháp ngăn chặn):** thống kê số lần vi phạm trong việc gửi, tổng đạt, thông báo, niêm yết... các lệnh, quyết định áp dụng, thay đổi, huỷ bỏ các biện pháp ngăn chặn như: Không thực hiện các quy định như lấy lời khai ngay người bị bắt, bị can...; báo cho Viện kiểm sát cùng cấp bằng văn bản cùng tài liệu để xét phê chuẩn, thông báo cho gia đình, chính quyền địa phương biết... (quy định từ Điều 109 - 125 BLTTHS).

- **Dòng 79/ 80/ 81 (CQĐT/ Cơ quan VKS/ Cơ quan Tòa án):** thống kê vi phạm của CQĐT, VKS, Tòa án tại Dòng 78.

- **Dòng 82 (Số lần vi phạm trong việc thực hiện các biện pháp ngăn chặn):** thống kê số lần vi phạm trong thực hiện các lệnh, quyết định về việc áp dụng các biện pháp ngăn chặn vi phạm về thời hạn, trình tự, thủ tục, chứng cứ bắt... như: Bắt bị can, bị cáo để tạm giam vào ban đêm, không có đại diện chính quyền địa phương chứng kiến... (quy định từ Điều 109 - 125 BLTTHS).

- **Dòng 83 (Số người, bị can quá thời hạn tạm giữ, tạm giam):** thống kê số người bị tạm giữ, số bị can bị tạm giam quá hạn về thời hạn tạm giữ, thời hạn tạm giam thuộc trách nhiệm của CQĐT, VKS và Tòa án (quy định tại Điều 117 - Điều 119 BLTTHS).

- **Dòng 84/85/86 (CQĐT/ Cơ quan VKS/ Cơ quan Tòa án):** thống kê vi phạm của CQĐT, VKS, Tòa án tại Dòng 82.

- **Dòng 87 (Số lệnh, quyết định của VKS vi phạm thời hạn phê chuẩn):** thống kê số lệnh, quyết định phê chuẩn của VKS vi phạm thời hạn phê chuẩn quy định như: Quyết định phê chuẩn lệnh bắt người bị giữ trong trường hợp khẩn cấp, lệnh bắt bị can để tạm giam, quyết định gia hạn tạm giữ, lệnh tạm giam, gia hạn tạm giam... (Điều 110, 118, 119 BLTTHS).

- **Dòng 88 (Số quyết định phê chuẩn hoặc quyết định không phê chuẩn của VKS không có căn cứ pháp luật):** thống kê số quyết định phê chuẩn hoặc quyết định không phê chuẩn của VKS không có căn cứ pháp luật như: Quyết định phê chuẩn lệnh bắt người bị giữ trong trường hợp khẩn cấp, lệnh bắt bị can để tạm giam, gia hạn tạm giữ, lệnh tạm giam, gia hạn tạm giam... không có căn cứ pháp luật dẫn đến phải trả tự do, đình chỉ do không phạm tội hoặc bị Tòa án tuyên không phạm tội quy định tại Điều 110, 118, 119... BLTTHS.

- **Dòng 89 (Số quyết định phê chuẩn hoặc quyết định không phê chuẩn lệnh bắt giữ người trong trường hợp khẩn cấp):** thống kê số quyết định phê chuẩn hoặc quyết định không phê chuẩn của VKS không có căn cứ và trái pháp luật đối với lệnh bắt người bị giữ trong trường hợp khẩn cấp.

- **Dòng 90 (Số lần vi phạm trong việc gửi, thông báo, niêm yết lệnh, quyết định của Viện kiểm sát):** thống kê số lần vi phạm về thời hạn gửi, thông báo, niêm yết lệnh, quyết định của VKS cho cơ quan điều tra, bị can...

- **Dòng 91 (Những vi phạm khác trong việc áp dụng, thay đổi, huỷ bỏ biện pháp ngăn chặn):** thống kê số lần vi phạm khác không thuộc các vi phạm nêu từ Dòng 73 - Dòng 89) của CQĐT, VKS và Tòa án trong việc áp dụng, thay đổi, huỷ bỏ biện pháp ngăn chặn.

- **Dòng 92 (Số người, bị can, bị cáo bị áp dụng biện pháp cưỡng chế có vi phạm):** thống kê số người, bị can, bị cáo do CQĐT, VKS, Tòa án áp dụng biện pháp cưỡng chế: Áp giải, dẫn giải, kê biên tài sản, phong tỏa tài khoản vi phạm về trình tự, thủ tục, căn cứ như: Áp giải, dẫn giải vào ban đêm, người già yếu, người có bệnh nặng có xác nhận của cơ quan y tế... (quy định từ Điều 126 - 129 BLTTHS).

- **Dòng 93/ 94/ 95/ 96 (Số người bị áp dụng biện pháp áp giải/ Số người bị áp dụng biện pháp dẫn giải/ Số bị can, bị cáo bị áp dụng biện pháp kê biên tài sản/ Số bị can, bị cáo bị áp dụng biện pháp phong tỏa tài khoản):** thống kê từng loại biện pháp cưỡng chế có vi phạm tại Dòng 92.

- **Dòng 97 (Số bị can, bị cáo bị những người có thẩm quyền thuộc CQĐT (Thủ trưởng, Phó Thủ trưởng) áp dụng biện pháp kê biên tài sản, phong toả tài khoản nhưng không thông báo ngay cho VKS trước khi thi hành):** thống kê số bị can, bị cáo bị những người có thẩm quyền thuộc CQĐT (Thủ trưởng, Phó Thủ trưởng) áp dụng biện pháp kê biên tài sản, phong toả tài khoản nhưng không thông báo ngay cho VKS trước khi thi hành (theo khoản 2 Điều 128 và khoản 2 129 BLTTHS).

- **Dòng 98 (Số bị can, bị cáo được những người thuộc cơ quan có thẩm quyền huỷ bỏ biện pháp kê biên tài sản, phong toả tài khoản không có căn cứ và trái pháp luật):** thống kê bị can, bị cáo được những người thuộc cơ quan có thẩm quyền huỷ bỏ biện pháp kê biên tài sản, phong toả tài khoản không có căn cứ và trái pháp luật (đình chỉ điều tra, Tòa án tuyên không phạm tội, bị cáo không bị tịch thu tiền, tài sản...) quy định tại Điều 130 BLTTHS.

- **Dòng 99/101/102 (Những người thuộc CQĐT, Cơ quan VKS, Cơ quan Tòa án):** phân tổ những người có thẩm quyền thuộc các cơ quan tiến hành tố tụng của Dòng 98.

- **Dòng 100 (Những người thuộc CQĐT của Công an nhân dân):** phân tổ thêm của Dòng 99.

- **Dòng 103 (Số lần vi phạm khác trong việc áp dụng, thay đổi, huỷ bỏ biện pháp cưỡng chế đối với người, bị can, bị cáo):** thống kê số lần vi phạm khác không thuộc các vi phạm nêu trên (từ Dòng 73 - Dòng 102) của CQĐT, VKS và Tòa án trong việc áp dụng, thay đổi, huỷ bỏ biện pháp cưỡng chế.

4. Vi phạm trong giai đoạn xét xử các vụ án hình sự và vi phạm về trình tự thủ tục xem xét, quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính của Tòa án:

4.1. Vi phạm trong giai đoạn xét xử các vụ án hình sự:

- **Dòng 104 (Số vụ án vi phạm thời hạn chuẩn bị xét xử):** thống kê số vụ án vi phạm thời hạn chuẩn bị xét xử vụ án hình sự của Tòa án (30 ngày đối với tội phạm ít nghiêm trọng, 45 ngày đối với tội phạm nghiêm trọng, 02 tháng đối với tội phạm rất nghiêm trọng, 03 tháng đối với tội đặc biệt nghiêm trọng); vi phạm thời hạn gia hạn thời hạn chuẩn bị xét xử (Điều 277 BLTTHS).

- **Dòng 105 (Số quyết định, bản án của Tòa án có vi phạm):** thống kê số quyết định của Tòa án ban hành có vi phạm như: Quyết định đưa vụ án ra xét xử; tạm đình chỉ, đình chỉ vụ án... vi phạm về trình tự, thẩm quyền, thời hạn, căn cứ... (Điều 255, 281, 282...BLTTHS).

- **Dòng 106 (Số vụ án vi phạm về thành phần Hội đồng xét xử):** thống kê số vụ án vi phạm quy định thành phần Hội đồng xét xử như: Số lượng Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân ... (Điều 254 BLTTHS).

- **Dòng 107 (Số vụ án vi phạm về việc tạm ngừng phiên toà):** thống kê số vụ án vi phạm về việc tạm ngừng phiên toà (trình tự, thủ tục, căn cứ...) quy định tại Điều 251 BLTTHS.

- **Dòng 108 (Số vụ án vi phạm về việc hoãn phiên toà):** thống kê số vụ án vi phạm quy định về việc hoãn phiên toà như: Vi phạm về thời hạn hoãn phiên toà hoặc căn cứ hoãn phiên toà (cần giám định bổ sung, giám định lại...) quy định tại Điều 297 BLTTHS.

- **Dòng 109 (Số vụ án vi phạm về giới hạn xét xử):** thống kê số vụ án mà Toà án xét xử bị cáo về tội danh mà VKS không truy tố hoặc tội danh nặng hơn... VKS truy tố (Điều 298 BLTTHS).

- **Dòng 110/ 111/ 112 (Số bị cáo HĐXX vi phạm trong việc áp dụng tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ TNHS và trong việc áp dụng loại hình phạt, mức hình phạt):** thống kê số bị cáo mà HĐXX vi phạm trong việc áp dụng các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ TNHS và loại hình phạt, mức hình phạt khi có QĐ của Tòa án có thẩm quyền kết luận việc áp dụng đối với bị cáo này là không đúng theo quy định của pháp luật.

Lưu ý: Căn cứ thống kê vào các Dòng này là khi có QĐ của Tòa án có thẩm quyền kết luận việc áp dụng tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ, loại hình phạt, mức hình phạt đối với bị cáo là không đúng theo quy định của pháp luật (*Ví dụ: Tại kỳ thống kê trước đã xét xử, HĐXX đã áp dụng các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ, loại hình phạt, mức hình phạt đối với bị cáo không đúng pháp luật bị kháng cáo hoặc kháng nghị thì chưa thống kê. Đến kỳ thống kê sau, khi Tòa án có thẩm quyền quyết định và **kết luận** việc áp dụng các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ, loại hình phạt, mức hình phạt của Tòa án đã xét xử vụ án đó là không đúng theo quy định của pháp luật thì lúc đó mới thống kê vào các Dòng tương ứng*).

- **Dòng 113 (Số vụ án có vi phạm trong việc xử lý vật chứng):** thống kê số vụ án vi phạm quy định về bảo quản và xử lý vật chứng như: Vật chứng là công cụ, phương tiện phạm tội nhưng không bị tịch thu, sung quỹ Nhà nước; vật chứng là hàng hoá mau hỏng, khó bảo quản nhưng không được bán theo quy định của pháp luật... (Điều 106 BLTTHS).

- **Dòng 114 (Số vụ án vi phạm về việc bảo đảm quyền bào chữa):** thống kê số vụ án vi phạm quy định về đảm bảo thực hiện quyền bào chữa như: Xét xử bị cáo về tội có khung hình phạt cao nhất là tử hình; bị cáo là người dưới 18 tuổi, người có nhược điểm về tâm thần hoặc thể chất... mà không chỉ định người bào chữa cho bị cáo (Điều 76 BLTTHS).

- **Dòng 115 (Số lần vi phạm trong việc tổng đạt bản án, quyết định của Toà án):** thống kê số lần vi phạm về thời hạn tổng đạt bản án, quyết định cho bị cáo, người làm chứng, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan; bị đơn, nguyên đơn dân sự... (Điều 262, 286... BLTTHS).

- **Dòng 116 (Số lần vi phạm trong việc gửi bản án, quyết định cho VKS):** thống kê số lần vi phạm về thời hạn trong việc gửi bản án, quyết định cho VKS (Điều 262, 286... BLTTHS).

- **Dòng 117 (Số vụ án vi phạm trong việc nghị án):** thống kê số vụ án vi phạm trong việc nghị án như: Vi phạm về thành phần nghị án, thực hiện quyền biểu quyết đối với từng nội dung của bản án... (Điều 326 BLTTHS).

- **Dòng 118 (Số bị can, bị cáo VKS rút quyết định truy tố):** thống kê số bị can, bị cáo mà VKS rút 1 phần hoặc toàn bộ quyết định truy tố; rút trước hoặc tại phiên tòa do quyết định truy tố thiếu chứng cứ hoặc phải đình chỉ do không phạm tội... quy định tại Điều 285, 319 BLTTHS (quyết định truy tố không có căn cứ).

- **Dòng 119 (Số quyết định rút quyết định truy tố của VKS không có căn cứ pháp luật):** thống kê số quyết định rút 1 phần hoặc toàn bộ quyết định truy tố; rút trước hoặc tại phiên tòa của VKS không có căn cứ pháp luật (quyết định rút quyết định truy tố không có căn cứ).

- **Dòng 120 (Số lần VKS vi phạm thời hạn chuyển giao hồ sơ cho Tòa án):** thống kê số lần VKS vi phạm về thời hạn chuyển hồ sơ cho Tòa án để xét xử sơ thẩm (Điều 244 BLTTHS) và VKS chuyển trả hồ sơ cho Tòa án để xét xử theo trình tự phúc thẩm, giám đốc thẩm, tái thẩm.

- **Dòng 121 (Số kháng nghị bị VKS cấp trên rút kháng nghị):** thống kê số bản kháng nghị của VKS cấp dưới bị VKS cấp trên rút kháng nghị.

- **Dòng 122 (Số vụ án có vi phạm khác trong hoạt động xét xử các vụ án hình sự):** thống kê số vụ án có vi phạm khác không thuộc các vi phạm nêu trên (từ Dòng 103 - Dòng 121) trong xét xử các vụ án hình sự của cơ quan Tòa án và VKS.

4.2. Vi phạm về trình tự thủ tục xem xét, quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính của Tòa án:

- **Dòng 123 (Số quyết định Tòa án gửi cho VKS vi phạm về thời hạn):** thống kê số quyết định Tòa án gửi cho VKS vi phạm về thời hạn.

- **Dòng 124 (Số quyết định việc áp dụng biện pháp xử lý hành chính của Tòa án có vi phạm):** thống kê số quyết định việc áp dụng biện pháp xử lý hành chính của Tòa án có vi phạm gồm: Số quyết định đưa vào trường giáo dưỡng, cơ sở bắt buộc, cơ sở cai nghiện bắt buộc.

- **Dòng 125/126/127 (Số quyết định đưa vào trường giáo dưỡng/ Số quyết định đưa vào cơ sở bắt buộc/ Số quyết định đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc):** thống kê từng quyết định vi phạm quy định tại Dòng 124.

- **Dòng 128 (Số quyết định vi phạm khác trong việc áp dụng biện pháp xử lý hành chính của Tòa án):** thống kê số quyết định có vi phạm khác không thuộc các vi phạm nêu trên (từ Dòng 123 - Dòng 127).

Lưu ý: - Các Dòng 104 đến Dòng 122 và từ Dòng 123 đến Dòng 127 là thống kê vi phạm của cơ quan Tòa án.

- Các Dòng 118 đến Dòng 121 là thống kê vi phạm của cơ quan Viện kiểm sát.

5. Thống kê vi phạm trong thi hành tạm giữ, tạm giam, thi hành án hình sự và trong việc hoãn, miễn chấp hành, giảm thời hạn, tạm đình chỉ

hoặc miễn chấp hành thời gian áp dụng biện pháp xử lý hành chính còn lại của Tòa án:

5.1. Vi phạm trong thi hành tạm giữ, tạm giam:

- **Dòng 129 (Số lần vi phạm về trình tự, thủ tục tạm giữ, tạm giam):** thống kê số lần vi phạm về trình tự, thủ tục trong tạm giữ, tạm giam như: Dẫn giải, bàn giao, tiếp nhận, trích xuất, trả tự do người bị tạm giữ, tạm giam, không giải thích quyền và nghĩa vụ, không khám sức khoẻ...; vi phạm như: Thiếu lệnh, quyết định, quyết định phê chuẩn; không lập danh chỉ bản; lệnh, quyết định ghi không chính xác...

- **Dòng 130/131 (Vi phạm trong tạm giữ/ vi phạm trong tạm giam):** thống kê số lần vi phạm về trình tự, thủ tục trong tạm giữ, tạm giam tại Dòng 129.

- **Dòng 132 (Số lần vi phạm trong công tác quản lý về tạm giữ, tạm giam):** thống kê số lần vi phạm trong công tác quản lý đối với người bị tạm giữ, tạm giam như: tổ chức học tập nội quy, quy chế và phổ biến pháp luật liên quan, tổ chức cảm hoá, duy trì trật tự vệ sinh... nơi tạm giữ, tạm giam.

- **Dòng 133/134 (Vi phạm trong tạm giữ/ vi phạm trong tạm giam):** thống kê số lần vi phạm trong công tác quản lý về tạm giữ, tạm giam tại Dòng 132.

- **Dòng 135 (Số lần vi phạm trong công tác giáo dục người bị tạm giữ, tạm giam):** thống kê số lần vi phạm trong công tác giáo dục người bị tạm giữ, tạm giam như: Tổ chức học tập nội quy, quy chế và phổ biến pháp luật liên quan, tổ chức cảm hoá, duy trì trật tự vệ sinh nơi tạm giam, tạm giữ...

- **Dòng 136/137 (Vi phạm trong tạm giữ/ vi phạm trong tạm giam): tạm giam):** thống kê số lần vi phạm trong công tác giáo dục về tạm giữ, tạm giam tại Dòng 135.

- **Dòng 138 (Số người VKS ra quyết định huỷ bỏ quyết định tạm giữ trong trường hợp việc tạm giữ không có căn cứ và trái pháp luật):** thống kê số người được VKS quyết định huỷ bỏ quyết định tạm giữ đối với người bị tạm giữ khi xét thấy việc tạm giữ không có căn cứ và trái pháp luật như: Tạm giữ người không có lệnh của cơ quan có thẩm quyền, VKS không phê chuẩn lệnh bắt giữ người trong trường hợp khẩn cấp do việc bắt khẩn cấp không có căn cứ và trái pháp luật...

- **Dòng 139 (Số lần vi phạm trong thực hiện chế độ đối với người bị tạm giữ, tạm giam):** thống kê số lần vi phạm trong thực hiện chế độ đối với người bị tạm giữ, tạm giam như: Thủ tục, bố trí nơi tạm giữ, tạm giam; chế độ ăn uống, sinh hoạt... theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự, Luật Thi hành tạm giữ, tạm giam và quy định của Chính phủ.

- **Dòng 140/141 (Vi phạm trong tạm giữ/ vi phạm trong tạm giam):** thống kê vi phạm trong thực hiện chế độ đối với người bị tạm giữ, tạm giam tại Dòng 139.

- **Dòng 142 (Số người bị tạm giữ chết (trừ trường hợp do bệnh lý)):** thống kê số người bị tạm giữ chết và nguyên nhân chết là do tự sát hoặc nguyên nhân khác. Đối với người bị tạm giữ chết do bệnh lý thì không thống kê vào dòng này.

- **Dòng 143 (Số người bị tạm giam chết (trừ trường hợp do bệnh lý)):** thống kê số người bị tạm giam chết và nguyên nhân chết là do tự sát hoặc nguyên nhân khác. Đối với người bị tạm giam chết do bệnh lý thì không thống kê vào dòng này.

- **Dòng 144/145 (Chết do tự sát/ Chết do nguyên nhân khác):** thống kê số người bị tạm giữ, tạm giam chết do tự sát và chết do nguyên nhân khác tại Dòng 142, 143. Đối với người bị tạm giữ, tạm giam chết do bệnh lý thì không thống kê vào dòng này.

- **Dòng 146/ 147 (Số người bị tạm giữ phạm tội mới/ Số người bị tạm giam phạm tội mới):** thống kê số người đang bị tạm giữ/ Số người bị tạm giam tại Nhà tạm giữ, Trại tạm giam mà phạm tội mới (phạm tội mới ngoài tội đang bị xử lý).

- **Dòng 148 (Số người bị tạm giữ trốn):** thống kê số người bị tạm giữ trốn.

- **Dòng 149 (Số người bị tạm giam trốn):** thống kê số người bị tạm giam trốn.

- **Dòng 150 (Số người bị tạm giữ, tạm giam được trả tự do theo Khoản 2 Điều 22 Luật Tổ chức VKSND và Khoản 2 Điều 42 Luật Thi hành tạm giữ, tạm giam):** thống kê số người bị tạm giữ, tạm giam không có căn cứ và trái pháp luật được VKS quyết định trả tự do theo quy định tại khoản 2 Điều 22 Luật Tổ chức VKSND và khoản 2 Điều 42 Luật Thi hành tạm giữ, tạm giam.

- **Dòng 151/152 (Số người bị tạm giữ/ Số người bị tạm giam):** thống kê số người bị tạm giữ, bị can tạm giam được VKS trả tự do tại Dòng 150.

- **Dòng 153 (Số người bị tạm giữ VKS trả tự do không có căn cứ và trái pháp luật):** thống kê số người bị tạm giữ được VKS trả tự do không có căn cứ và trái pháp luật như: Xác định người bị tạm giữ không bị oan, sai nhưng VKS vẫn quyết định trả tự do (quyết định trả tự do của VKS không có căn cứ và trái pháp luật).

- **Dòng 154 (Số người bị tạm giam VKS trả tự do không có căn cứ và trái pháp luật):** thống kê số người bị tạm giam được VKS trả tự do không có căn cứ và trái pháp luật như: Xác định người bị tạm giam không bị oan, sai nhưng VKS vẫn quyết định trả tự do (quyết định trả tự do của VKS không có căn cứ và trái pháp luật).

5.2. Vi phạm trong thi hành án hình sự:

- **Dòng 155 (Số quyết định thi hành án có vi phạm):** thống kê số quyết định thi hành án vi phạm về trình tự, thủ tục, thời hạn ban hành quyết định thi hành án của Tòa án (quy định từ Điều 363 - 366 BLTTHS và Luật THAHS).

- **Dòng 156 (Số quyết định miễn chấp hành án có vi phạm):** thống kê số quyết định của TA miễn chấp hành án vi phạm về trình tự, thủ tục, thời hạn ban hành quyết định miễn chấp hành án...

- **Dòng 157 (Số quyết định hoãn chấp hành án có vi phạm):** thống kê số quyết định của TA hoãn chấp hành án vi phạm về trình tự, thủ tục, thời hạn, điều kiện quyết định hoãn chấp hành án...

- **Dòng 158 (Số quyết định giảm thời hạn chấp hành án có vi phạm):** thống kê số quyết định của TA giảm thời hạn chấp hành án vi phạm về trình tự, thủ tục, thời hạn, điều kiện quyết định giảm thời hạn chấp hành án...

- **Dòng 159 (Số quyết định rút ngắn thời gian thử thách đối với án treo có vi phạm):** thống kê số QĐ của TA rút ngắn thời gian thử thách đối với án treo vi phạm về trình tự, thủ tục, thời hạn, điều kiện quyết định giảm thời hạn chấp hành án (người được hưởng án treo chưa chấp hành được một phần hai thời gian thử thách hoặc không có tiền bộ và cơ quan có thẩm quyền không đề nghị rút ngắn thời gian thử thách mà Tòa án vẫn ra QĐ... theo khoản 4 Điều 65 BLHS).

- **Dòng 160 (Số quyết định tạm đình chỉ chấp hành án có vi phạm):** thống kê số quyết định của TA tạm đình chỉ chấp hành án vi phạm về trình tự, thủ tục, thời hạn, điều kiện quyết định tạm đình chỉ chấp hành án...

- **Dòng 161 (Số quyết định đình chỉ chấp hành án có vi phạm):** thống kê số quyết định đình chỉ chấp hành án vi phạm về trình tự, thủ tục, thời hạn, điều kiện quyết định đình chỉ chấp hành án.

- **Dòng 162 (Số quyết định xóa án tích có vi phạm):** thống kê số quyết định xóa án tích vi phạm về trình tự, thủ tục, thời hạn, điều kiện quyết định xóa án tích... (Điều 369 BLTTHS và Luật THAHS).

- **Dòng 163 (Số quyết định cho hưởng thời hiệu có vi phạm):** thống kê số quyết định của TA xóa án tích đối với người bị kết án trong trường hợp hết thời hiệu thi hành bản án có vi phạm về trình tự, thủ tục, thời hạn, điều kiện quyết định xóa án tích... (Điều 71 BLHS).

- **Dòng 164 (Số lần vi phạm trong việc áp giải, truy bắt, truy nã đối tượng thi hành án):** thống kê số lần những vi phạm về thời hạn, trình tự, thủ tục, áp giải, truy bắt đối tượng chấp hành án; vi phạm trong việc truy nã người chấp hành án như: Không ra quyết định truy nã, quyết định truy nã không được thông báo trên các phương tiện thông tin đại chúng...

- **Dòng 165 (Số lần vi phạm về trình tự, thủ tục thi hành án hình sự):** thống kê số lần những vi phạm trong việc dẫn giải, bàn giao, tiếp nhận, trích xuất, không khám sức khỏe... như: Thiếu bản án, quyết định thi hành án...

- **Dòng 166 (Số lần vi phạm về quản lý, giám sát, giáo dục trong thi hành án hình sự):** thống kê số lần những vi phạm trong việc phân loại phạm nhân không đúng quy định như: Phân loại mức án, tội danh... để thi hành án.

- **Dòng 167 (Số lần vi phạm trong công tác quản lý, giám sát, giáo dục đối tượng tha tù trước thời hạn có điều kiện):** phân tổ theo đối tượng tha tù trước thời hạn có điều kiện của Dòng 166.

- **Dòng 168 (Số hồ sơ quản lý, đề nghị xét, miễn, giảm, đặc xá, rút ngắn thời hạn tha tù trước thời hạn có điều kiện có vi phạm):** thống kê số hồ sơ vi phạm trong việc lập hồ sơ quản lý; hồ sơ đề nghị và xét miễn, giảm thời hạn chấp hành hình phạt và đề nghị đặc xá, rút ngắn thời hạn tha tù trước thời hạn có điều kiện...

- **Dòng 169 (Số hồ sơ quản lý, đề nghị rút ngắn thời hạn tha tù trước thời hạn có điều kiện):** phân tổ theo hồ sơ quản lý, đề nghị rút ngắn thời hạn tha tù trước thời hạn có điều kiện của Dòng 168.

- **Dòng 170 (Số phạm nhân được tha tù trước thời hạn có điều kiện không đúng quy định của pháp luật):** thống kê số phạm nhân được tha tù trước thời hạn có điều kiện không đúng quy định của pháp luật.

- **Dòng 171 (Số lần vi phạm trong công tác giáo dục đối với phạm nhân và người chấp hành án):** thống kê số lần những vi phạm trong việc tổ chức học tập nội quy, quy chế và phổ biến pháp luật liên quan, tổ chức cảm hoá, duy trì trật tự, vệ sinh...

- **Dòng 172 (Số lần vi phạm trong việc thực hiện chế độ đối với phạm nhân):** thống kê số lần những vi phạm trong việc thực hiện chế độ đối với phạm nhân như: Chế độ ăn uống, sinh hoạt... theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự, Luật THAHS và quy định của Chính phủ.

- **Dòng 173 (Số phạm nhân chết):** thống kê số phạm nhân chết do tự sát và nguyên nhân khác (trừ trường hợp do bệnh lý).

- **Dòng 174/175/176 (Trại tạm giam/ Trại giam/ Chấp hành án tại Nhà tạm giữ):** thống kê số phạm nhân chết do tự sát và nguyên nhân khác tại Trại tạm giam, Trại giam, Nhà tạm giữ. Đối với trường hợp phạm nhân chết do bệnh lý thì không thống kê vào dòng này.

- **Dòng 177/178 (Chết do tự sát/ Chết do nguyên nhân khác):** thống kê số phạm nhân chết do tự sát và chết do nguyên nhân khác tại Dòng 173. Đối với trường hợp phạm nhân chết do bệnh lý thì không thống kê vào dòng này.

- **Dòng 179 (Số lần phạm nhân trốn):** thống kê số lần phạm nhân trốn tại Trại tạm giam, Trại giam, Nhà tạm giữ.

- **Dòng 180 (Số lần vi phạm trong việc giám sát, giáo dục, nhận xét, đánh giá quá trình cải tạo của người chấp hành án treo, cải tạo không giam giữ, tha tù trước thời hạn có điều kiện):** thống kê số lần vi phạm của các cơ quan trong việc giám sát, giáo dục, nhận xét, đánh giá quá trình cải tạo của người chấp hành án treo và rút ngắn thời gian thử thách đối với án treo; miễn, giảm thời hạn chấp hành án phạt cải tạo không giam giữ, tha tù trước thời hạn có điều kiện.

- **Dòng 181 (Số lần vi phạm trong việc thi hành hình phạt quản chế, cấm cư trú, tước một số quyền công dân, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm**

hành nghề hoặc làm công việc nhất định...): thống kê số lần vi phạm về trình tự, thủ tục, quản lý, chế độ... đối với người chấp hành án áp dụng biện pháp bắt buộc chữa bệnh hoặc giáo dục tại xã, phường... của cơ quan có thẩm quyền, trách nhiệm.

- **Dòng 182 (Cơ quan có thẩm quyền, trách nhiệm):** thống kê số lần của cơ quan có thẩm quyền, trách nhiệm tại Dòng 181.

- **Dòng 183 (Số hồ sơ thi hành biện pháp tư pháp có vi phạm):** thống kê số hồ sơ vi phạm về trình tự, thủ tục, quản lý, chế độ... đối với người chấp hành biện pháp bắt buộc chữa bệnh hoặc giáo dục tại xã, phường...

- **Dòng 184 (Số phạm nhân vi phạm pháp luật bị khởi tố hình sự):** thống kê số phạm nhân vi phạm pháp luật và bị khởi tố bị can.

- **Dòng 185 (Số phạm nhân VKS trả tự do không có căn cứ và trái pháp luật):** thống kê số phạm nhân VKS quyết định trả tự do đối với phạm nhân không có căn cứ và trái pháp luật như: Xác định người bị giam (phạm nhân) không bị oan, sai nhưng VKS vẫn quyết định trả tự do theo quy định tại Điều 22 Luật Tổ chức VKSND và Luật THAHS (quyết định trả tự do của VKS đối với phạm nhân không có căn cứ và trái pháp luật).

- **Dòng 186 (Số bản kháng nghị, kiến nghị của VKS ban hành thông qua kiểm sát tạm giữ, tạm giam và thi hành án hình sự không có căn cứ và không được cơ quan bị kiểm sát chấp nhận):** thống kê số bản kháng nghị, kiến nghị của VKS thông qua hoạt động kiểm sát không có căn cứ pháp luật và không được Nhà tạm giữ, Trại tạm giam, Trại giam, Tòa án, Cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp huyện, cấp tỉnh và UBND cấp xã chấp nhận sửa chữa, khắc phục vi phạm (kháng nghị, kiến nghị của VKS ban hành không có căn cứ pháp luật và không được cơ quan bị kiểm sát chấp nhận).

- **Dòng 187/188/189/190/191/192 (Nhà tạm giữ/ Trại tạm giam/ Trại giam/ Cơ quan Tòa án/ Cơ quan THAHS, UBND cấp xã):** thống kê vi phạm của Nhà tạm giữ, Trại tạm giam, Trại giam, Tòa án, Cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp huyện, cấp tỉnh và UBND cấp xã quy định tại Dòng 186.

- **Dòng 193 (Số lần vi phạm khác trong thi hành tạm giữ, tạm giam và thi hành án hình sự):** thống kê số lần vi phạm khác không thuộc các vi phạm nêu trên (từ Dòng 129 - Dòng 185) quy định về tạm giữ, tạm giam và thi hành án hình sự.

5.3. Vi phạm trong việc hoãn, miễn chấp hành, giảm thời hạn, tạm đình chỉ hoặc miễn chấp hành phần thời gian áp dụng biện pháp xử lý hành chính còn lại của Tòa án:

- **Dòng 194 (Số quyết định của Tòa án gửi cho VKS vi phạm về thời hạn):** thống kê số quyết định của Tòa án gửi cho VKS vi phạm về thời hạn gồm: Quyết định hoãn chấp hành, quyết định miễn chấp hành, quyết định giảm thời hạn, quyết định tạm đình chỉ hoặc miễn chấp hành thời gian áp dụng biện pháp xử lý hành chính còn lại của Tòa án.

- **Dòng 195 (Số quyết việc hoãn, miễn chấp hành, giảm thời hạn, tạm đình chỉ hoặc miễn chấp hành thời gian áp dụng biện pháp xử lý hành chính còn lại của Tòa án có vi phạm):** thống kê số quyết định hoãn chấp hành, quyết định miễn chấp hành, quyết định giảm thời hạn, quyết định tạm đình chỉ hoặc miễn chấp hành thời gian áp dụng biện pháp xử lý hành chính còn lại của Tòa án có vi phạm về trình tự, thủ tục, căn cứ...

- **Dòng 196/ 197/ 198/ 199 (Số Quyết định hoãn chấp hành/ Quyết định miễn chấp hành/ Quyết định giảm thời hạn/ Quyết định tạm đình chỉ hoặc miễn chấp hành thời gian áp dụng biện pháp xử lý hành chính còn lại của Tòa án):** thống kê từng loại quyết định có vi phạm tại Dòng 195.

- **Dòng 200 (Số quyết định vi phạm khác về trình tự, thủ tục xem xét, quyết định việc hoãn, miễn chấp hành, giảm thời hạn, tạm đình chỉ hoặc miễn chấp hành phần thời gian áp dụng biện pháp xử lý hành chính còn lại của Tòa án):** thống kê số quyết định có vi phạm khác không thuộc các vi phạm nêu trên (từ Dòng 194 - Dòng 199).

6. Vi phạm trong thực hiện quyền bào chữa:

- **Dòng 201 (Số lần vi phạm trong việc đăng ký người bào chữa):** thống kê số lần vi phạm trong việc từ chối cử người bào chữa cho bị can, bị cáo, người bị hại... trong trường hợp luật quy định bắt buộc phải chỉ định người bào chữa mà không có lý do chính đáng...

- **Dòng 202 (Cơ quan quản lý người bào chữa):** thống kê số lần cơ quan quản lý người bào chữa vi phạm quy định tại Dòng 201.

- **Dòng 203 (Số lần vi phạm trong thực hiện việc bào chữa):** thống kê số lần vi phạm trong việc người bào chữa có hành vi mua chuộc, cưỡng ép, xúi giục người khác khai báo gian dối, cung cấp tài liệu sai sự thật hoặc làm lộ bí mật thông tin liên quan đến vụ án...

- **Dòng 204 (Cơ quan quản lý người bào chữa):** thống kê số lần cơ quan quản lý người bào chữa vi phạm quy định tại Dòng 203.

- **Dòng 205 (Số người bào chữa bị từ chối cấp giấy chứng nhận bào chữa):** thống kê số người bào chữa bị từ chối cấp giấy chứng nhận bào chữa trong các vụ án hình sự, dân sự, HNGĐ...

- **Dòng 206 (Số người bào chữa bị thu hồi giấy chứng nhận bào chữa do vi phạm hoặc không đủ điều kiện bào chữa):** thống kê số người bào chữa bị thu hồi giấy chứng nhận bào chữa do vi phạm hoặc không đủ điều kiện bào chữa trong các vụ án hình sự, dân sự, HNGĐ...

- **Dòng 207 (Số lần vi phạm khác về bào chữa):** thống kê số lần vi phạm khác không thuộc các vi phạm nêu trên (từ Dòng 201 - Dòng 206) trong thực hiện việc bào chữa.

7. Vi phạm trong hoạt động giám định, định giá tài sản, phiên dịch, dịch thuật, công chứng:

- **Dòng 208 (Số lần vi phạm trong hoạt động giám định):** thống kê số lần vi phạm trong hoạt động giám định như: Từ chối hoặc không từ chối việc giám định theo yêu cầu của cơ quan tiến hành tố tụng mà không có lý do chính đáng; từ chối kết luận giám định, kết luận giám định gian dối...

- **Dòng 209 (Cơ quan có thẩm quyền, trách nhiệm):** thống kê số lần cơ quan có thẩm quyền, trách nhiệm vi phạm trong hoạt động giám định quy định tại Dòng 208.

- **Dòng 210 (Số lần vi phạm trong hoạt động định giá tài sản):** thống kê số lần vi phạm trong hoạt động định giá tài sản của cá nhân, cơ quan có thẩm quyền, trách nhiệm.

- **Dòng 211 (Số lần vi phạm trong hoạt động phiên dịch):** thống kê số lần vi phạm trong hoạt động phiên dịch như: Từ chối hoặc không từ chối việc phiên dịch theo yêu cầu của cơ quan tiến hành tố tụng mà không có lý do chính đáng; phiên dịch gian dối, sai sự thật...

- **Dòng 212 (Cơ quan có thẩm quyền, trách nhiệm):** thống kê số lần cơ quan có thẩm quyền, trách nhiệm vi phạm trong việc cử người phiên dịch quy định tại Dòng 211.

- **Dòng 213 (Số lần vi phạm trong hoạt động dịch thuật):** thống kê số lần vi phạm trong hoạt động dịch thuật của cá nhân, cơ quan có thẩm quyền, trách nhiệm.

- **Dòng 214 (Số lần vi phạm trong hoạt động công chứng):** thống kê số lần vi phạm trong hoạt động công chứng như: Từ chối hoặc không từ chối việc công chứng theo yêu cầu của cơ quan tiến hành tố tụng mà không có lý do chính đáng; công chứng gian dối, sai sự thật... theo quy định của pháp luật về công chứng.

- **Dòng 215 (Cơ quan có thẩm quyền, trách nhiệm):** thống kê số lần cơ quan có thẩm quyền, trách nhiệm vi phạm trong hoạt động công chứng quy định tại Dòng 214.

- **Dòng 216 (Số lần cơ quan, cá nhân, có trách nhiệm không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ yêu cầu về giám định, định giá, phiên dịch, dịch thuật, công chứng của các cơ quan tiến hành tố tụng):** thống kê số lần cơ quan, cá nhân, có trách nhiệm không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ yêu cầu về giám định, định giá, phiên dịch, dịch thuật, công chứng của các cơ quan tiến hành tố tụng khi giải quyết các vụ án hình sự, dân sự, HNGĐ...

- **Dòng 217 (Số lần vi phạm khác về giám định, định giá tài sản, phiên dịch, dịch thuật, công chứng):** thống kê số lần vi phạm khác không thuộc các vi phạm nêu trên (từ Dòng 208 - Dòng 216) trong hoạt động giám định, định giá tài sản, phiên dịch, dịch thuật và công chứng.

8. Thống kê vi phạm trong thụ lý, giải quyết các vụ, việc dân sự, hôn nhân gia đình, KDTM, lao động và hành chính:

- **Dòng 218 (Số vụ, việc vi phạm về thẩm quyền giải quyết):** thống kê số vụ, việc mà Toà án giải quyết những tranh chấp, yêu cầu về dân sự, hôn nhân gia đình, kinh doanh thương mại, lao động và hành chính mà pháp luật quy định không thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án; những tranh chấp, yêu cầu không xảy ra trên địa bàn (lãnh thổ) hoặc trong trường hợp đương sự không lựa chọn Toà án giải quyết tranh chấp, yêu cầu như: Những tranh chấp giữa cá nhân về quốc tịch Việt Nam, quyền sở hữu, về hợp đồng dân sự, thừa kế...; tranh chấp về nuôi con, chia tài sản, cấp dưỡng...; tranh chấp về mua bán hàng hoá, cung ứng dịch vụ, đại diện đại lý, ký gửi...; tranh chấp về xử lý kỷ luật lao động, bồi thường thiệt hại, bảo hiểm xã hội...; khiếu kiện quyết định hành chính, danh sách cử tri, quyết định kỷ luật buộc thôi việc... và những yêu cầu như: Tuyên bố một người mất năng lực hành vi dân sự, mất tích...; yêu cầu huỷ việc kết hôn trái pháp luật, thuận tình ly hôn; yêu cầu liên quan việc trọng tài thương mại Việt Nam giải quyết tranh chấp theo quy định của pháp luật về Trọng tài thương mại hoặc công nhận và cho thi hành tại Việt Nam bản án, quyết định của Toà án nước ngoài...

- **Dòng 219 (Số vụ, việc vi phạm trong việc thụ lý hoặc không thụ lý đơn khởi kiện, đơn yêu cầu):** thống kê số vụ, việc mà Toà án thụ lý hoặc trả lại đơn khởi kiện, đơn yêu cầu không đúng quy định của pháp luật như: Không tiến hành thủ tục thụ lý vụ án nếu xác định vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của mình, không thông báo ngay cho người khởi kiện biết để họ làm thủ tục nộp tiền tạm ứng án phí... hoặc không trả lại đơn khởi kiện cho người khởi kiện nếu việc khởi kiện của đương sự không thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án...

- **Dòng 220 (Số vụ, việc Toà án vi phạm thời hạn gửi thông báo thụ lý cho VKS):** thống kê số vụ, việc Toà án vi phạm thời hạn gửi thông báo thụ lý cho VKS.

- **Dòng 221 (Số vụ, việc vi phạm về xác minh, thu thập chứng cứ):** thống kê số vụ, việc vi phạm về trình tự, thủ tục khi Toà án tiến hành xác minh, thu thập chứng cứ giải quyết vụ án như: Không lấy lời khai của đương sự, người làm chứng; không tiến hành đối chất, trưng cầu giám định đối với chứng cứ bị tố cáo là giả mạo, không áp dụng các biện pháp cần thiết để bảo quản vật chứng...

- **Dòng 222 (Số vụ, việc vi phạm về lấy lời khai đương sự, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan):** thống kê số vụ, việc vi phạm về thẩm quyền, trình tự, thủ tục lấy lời khai đương sự, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan như: Lấy lời khai không có mặt của người đại diện hợp pháp trong trường hợp đương sự là người chưa đủ tuổi, người mất năng lực hành vi dân sự...; biên bản ghi lời khai không có chữ ký của đương sự, biên bản được ghi ngoài trụ sở Toà án nhưng không có người làm chứng hoặc xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã, Công an xã hoặc cơ quan có thẩm quyền...

- **Dòng 223 (Số vụ, việc xác định không đúng quan hệ tranh chấp, tư cách người tham gia tố tụng):** thống kê số vụ, việc mà Toà án vi phạm trong việc xác định không đúng quan hệ tranh chấp như: “Tranh chấp về bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng” theo quy định là thuộc tranh chấp về dân sự, do vậy vụ

án được giải quyết theo trình tự tố tụng dân sự nhưng Toà án lại xác định là thuộc “tranh chấp về lao động” nên vụ án lại được giải quyết theo trình tự tố tụng về lao động... hoặc khi tiến hành giải quyết vụ án Toà án đã xác định sai tư cách tham gia tố tụng của đương sự như: Theo quy định của pháp luật thì người khởi kiện là nguyên đơn dân sự nhưng Toà án lại xác định là bị đơn dân sự (người bị khởi kiện) hoặc người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan thì Toà án lại xác định là người làm chứng...

- **Dòng 224 (Số vụ, việc vi phạm trong việc trưng cầu giám định, định giá tài sản):** thống kê số vụ, việc Toà án vi phạm về hình thức (thẩm quyền, căn cứ điều luật... của quyết định trưng cầu giám định); vi phạm về nội dung (không tiến hành trưng cầu giám định đối với chứng cứ bị đương sự tố cáo là giả mạo...).

- **Dòng 225 (Số lần vi phạm trong việc áp dụng, thay đổi, hủy bỏ biện pháp khẩn cấp tạm thời):** thống kê số lần Toà án vi phạm trong việc áp dụng, thay đổi, hủy bỏ biện pháp khẩn cấp tạm thời như: Có căn cứ xác định trong trường hợp cấp thiết nếu Toà án không áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời thì sẽ không bảo vệ được chứng cứ, gây ảnh hưởng phát triển toàn diện về thể chất của người chưa thành niên, không bảo toàn tình trạng hiện có của tài sản tranh chấp dẫn đến tài sản bị thiệt hại không thể khắc phục được; không tạm dừng việc thực hiện hành vi hành chính được áp dụng nếu có căn cứ cho rằng hành vi hành chính là trái pháp luật và việc tiếp tục thực hiện hành vi hành chính sẽ dẫn đến hậu quả nghiêm trọng khó khắc phục... nhưng Toà án không áp dụng các biện pháp khẩn cấp tạm thời hoặc khi có căn cứ xét thấy việc tiếp tục áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời là không cần thiết, không còn phù hợp nhưng Toà án không kịp thời thay đổi, huỷ bỏ việc áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời trước đó...

- **Dòng 226 (Số vụ, việc vi phạm trong việc hòa giải hoặc đối thoại):** thống kê số vụ, việc Toà án vi phạm về trình tự, thủ tục, nội dung... trong thực hiện việc hoà giải, đối thoại; vi phạm về thành phần phiên hoà giải, đối thoại; vi phạm về nội dung, trình tự hoà giải, đối thoại; việc hoà giải, đối thoại không được lập biên bản hoặc đương sự không ký vào biên bản hoà giải, đối thoại...

- **Dòng 227 (Số vụ, việc Toà án vi phạm thời hạn chuyển hồ sơ cho VKS):** thống kê số vụ, việc Toà án chuyển hồ sơ vụ án cho VKS nghiên cứu quá thời hạn quy định như: Sau khi ra quyết định đưa vụ án ra xét xử Toà án phải chuyển hồ sơ cho VKS cùng cấp nghiên cứu...

- **Dòng 228 (Số vụ, việc vi phạm về thời hạn chuẩn bị xét xử):** thống kê số vụ, việc Toà án vi phạm thời hạn chuẩn bị xét xử vụ án dân sự, hôn nhân gia đình, kinh doanh thương mại, lao động và hành chính.

- **Dòng 229 (Số bản án, quyết định Toà án gửi cho VKS không đúng thời hạn):** thống kê số bản án, quyết định mà Toà án gửi cho VKS không đúng thời hạn theo quy định.

- **Dòng 230 (Số bản án, quyết định của Tòa án có vi phạm):** thống kê số bản án, quyết định của Tòa án vi phạm về hình thức như: Thời hạn, thẩm quyền ban hành, căn cứ điều luật, bản án không đầy đủ các phần như quy định: Phần mở đầu, phần nội dung, phần nhận định và phần quyết định...; vi phạm về nội dung như: Căn cứ quyết định đình chỉ, tạm đình chỉ vụ án...; phần nội dung và nhận định bản án không ghi nội dung hoặc ghi không đầy đủ yêu cầu khởi kiện, phân tích những căn cứ để chấp nhận hoặc không chấp nhận yêu cầu..., hoặc phần quyết định không ghi rõ các quyết định của Tòa án về từng vấn đề phải giải quyết trong vụ án...

- **Dòng 231 (Số vụ, việc vi phạm trong việc đình chính, sửa chữa, bổ sung nội dung bản án):** thống kê số vụ, việc Tòa án đã xét xử và tuyên bằng bản án nhưng bản án đó có vi phạm dẫn đến phải đình chính, sửa chữa hoặc bổ sung nội dung bản án dân sự, hôn nhân gia đình, kinh doanh thương mại, lao động và hành chính.

- **Dòng 232 (Số vụ, việc vi phạm trong việc cấp, tổng đạt, thông báo, niêm yết các văn bản tố tụng):** thống kê số vụ, việc Tòa án vi phạm về thời hạn, trình tự, thủ tục trong việc cấp, tổng đạt, thông báo, niêm yết các văn bản tố tụng cho đương sự, những người tham gia tố tụng khác và cá nhân, cơ quan, tổ chức có liên quan theo quy định của pháp luật như: Bản án, quyết định của Tòa án, đơn khởi kiện, đơn kháng cáo, quyết định kháng nghị, giấy báo, giấy triệu tập...

- **Dòng 233 (Số vụ, việc có vi phạm trong việc thực hiện các quy định về án phí, lệ phí và các chi phí tố tụng khác):** thống kê số vụ, việc Tòa án vi phạm về thời hạn, trình tự, thủ tục hoặc quyết định không chính xác mức tiền tạm ứng án phí (tiền tạm ứng án phí sơ thẩm, phúc thẩm); mức tiền tạm ứng lệ phí (lệ phí cấp bản sao bản án, quyết định...) và các chi phí tố tụng khác như: Tiền tạm ứng chi phí giám định, chi phí định giá, chi phí cho người làm chứng, phiên dịch, Luật sư...

- **Dòng 234 (Số vụ, việc vi phạm các quy định tại phiên tòa sơ thẩm hoặc phiên họp sơ thẩm):** thống kê số vụ, việc Tòa án vi phạm về quy định chung, quy định về trình tự, thủ tục tại phiên tòa sơ thẩm hoặc phiên họp sơ thẩm như: Xét xử trực tiếp bằng lời nói, không đảm bảo tính liên tục; vi phạm về thành phần Hội đồng xét xử hoặc Tòa án đưa ra xét xử những vụ án trong khi chưa triệu tập họp lệ đương sự đến lần thứ hai...; vi phạm về trình tự, thủ tục tại phiên tòa sơ thẩm như: Khai mạc phiên tòa, giải quyết các yêu cầu thay đổi, người tiến hành tố tụng, người phiên dịch...; vi phạm trong việc xét hỏi, tranh luận, công bố các tài liệu, chứng cứ...

- **Dòng 235 (Số vụ, việc vi phạm các quy định tại phiên tòa phúc thẩm hoặc phiên họp phúc thẩm):** thống kê số vụ, việc Tòa án vi phạm quy định thủ tục giải quyết vụ án tại Tòa án cấp phúc thẩm như: Vi phạm về tính chất, phạm vi của xét xử phúc thẩm (Tòa án cấp phúc thẩm chỉ xem xét lại phần của bản án, quyết định sơ thẩm có kháng cáo, kháng nghị hoặc phần có liên quan đến việc xem xét nội dung kháng cáo, kháng nghị); vi phạm về thành phần Hội đồng xét

xử; vi phạm về trình tự, thủ tục tại phiên tòa phúc thẩm như: Khai mạc phiên tòa, giải quyết các yêu cầu tại phiên tòa như: Nguyên đơn rút đơn khởi kiện, công nhận sự thỏa thuận của các đương sự...; vi phạm trong việc xét hỏi, tranh luận...

- **Dòng 236 (Số vụ, việc vi phạm các quy định tại phiên tòa hoặc phiên họp giám đốc thẩm, tái thẩm):** thống kê số vụ, việc Tòa án vi phạm quy định thủ tục giải quyết vụ án theo thủ tục giám đốc thẩm, tái thẩm như: Vi phạm về tính chất, phạm vi của xét xử giám đốc thẩm, tái thẩm (chỉ xét lại bản án, quyết định của Tòa án đã có hiệu lực pháp luật nhưng bị kháng nghị vì phát hiện có vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng trong giải quyết vụ án hoặc có phát hiện tình tiết mới làm thay đổi cơ bản nội dung vụ án); vi phạm về trình tự, thủ tục, thời hạn giải quyết theo thủ tục giám đốc thẩm, tái thẩm...; vi phạm về thẩm quyền, nội dung quyết định giải quyết của giám đốc thẩm, tái thẩm...

- **Dòng 237 (Số vụ, việc VKS không thực hiện quyền kiến nghị về QĐ áp dụng, thay đổi, huỷ bỏ biện pháp khẩn cấp tạm thời của Tòa án):** thống kê số vụ, việc mà thông qua hoạt động kiểm sát việc giải quyết các vụ án dân sự, hôn nhân gia đình... và hành chính của VKS xác định các quyết định áp dụng, thay đổi, huỷ bỏ biện pháp khẩn cấp tạm thời của Tòa án rõ ràng là không có căn cứ và trái pháp luật nhưng VKS không thực hiện quyền kiến nghị với Tòa án để yêu cầu Tòa án áp dụng, thay đổi, huỷ bỏ biện pháp khẩn cấp tạm thời đúng căn cứ pháp luật.

- **Dòng 238 (Số vụ, việc VKS không thực hiện quyền kiến nghị về việc TA trả lại đơn khởi kiện, đơn yêu cầu):** thống kê số vụ, việc mà thông qua hoạt động kiểm sát việc giải quyết các vụ án dân sự, hôn nhân gia đình... và hành chính của VKS xác định Tòa án trả lại đơn khởi kiện, đơn yêu cầu rõ ràng là không có căn cứ, trái pháp luật nhưng VKS không thực hiện quyền kiến nghị, yêu cầu Tòa án thay đổi, huỷ bỏ quyết định trả lại đơn khởi kiện, đơn yêu cầu không có căn cứ pháp luật.

- **Dòng 239 (Số lần VKS vi phạm thời hạn chuyển giao hồ sơ cho Tòa án):** thống kê số lần VKS vi phạm thời hạn chuyển trả hồ sơ vụ án cho Tòa án để xét xử sơ thẩm, phúc thẩm, giám đốc thẩm, tái thẩm.

- **Dòng 240 (Số kháng nghị bị VKS cấp trên rút kháng nghị):** thống kê số bản kháng nghị của VKS cấp dưới bị VKS cấp trên rút kháng nghị (bao gồm: Kháng nghị phúc thẩm, kháng nghị giám đốc thẩm và kháng nghị tái thẩm).

- **Dòng 241 (Số lần có vi phạm khác trong thụ lý, giải quyết vụ, việc dân sự, HNGĐ; KDTM; lao động; hành chính):** thống kê số lần có vi phạm khác không thuộc các vi phạm nêu trên (từ Dòng 196 - Dòng 218) trong thụ lý, giải quyết vụ, việc dân sự, hôn nhân gia đình, kinh doanh thương mại, lao động và hành chính.

Lưu ý: - Các Dòng 218 đến Dòng 236 là thống kê vi phạm của cơ quan Tòa án.

- Các Dòng 237 đến Dòng 240 là thống kê vi phạm của cơ quan Viện kiểm sát.

9. Thống kê vi phạm trong thi hành án dân sự và thi hành án hành chính:

- **Dòng 242 (Số lần vi phạm trong việc tiếp nhận, thụ lý đơn yêu cầu thi hành án):** thống kê số lần Cơ quan thi hành án dân sự vi phạm trong việc tiếp nhận, thụ lý đơn yêu cầu thi hành án như: Không kiểm tra nội dung đơn yêu cầu thi hành án và các tài liệu kèm theo, không vào sổ nhận đơn yêu cầu thi hành án, không cấp giấy biên nhận cho người nộp đơn... hoặc không từ chối nhận đơn yêu cầu thi hành án trong trường hợp: Người yêu cầu thi hành án không có quyền yêu cầu thi hành án, hết thời hiệu thi hành án...

- **Dòng 243 (Số việc có vi phạm trong thông báo, niêm yết công khai các QĐ về thi hành án):** thống kê số việc Cơ quan thi hành án dân sự vi phạm trong việc gửi, thông báo, niêm yết công khai các quyết định về thi hành án như: Quyết định cưỡng chế thi hành án không gửi cho VKS cùng cấp và UBND cấp xã...; quyết định thi hành án, giấy báo, giấy triệu tập... không thông báo cho đương sự, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan để họ thực hiện quyền và nghĩa vụ...; việc thông báo không được lập thành biên bản; các quyết định về thi hành án không được niêm yết công khai tại trụ sở Cơ quan thi hành án và trụ sở UBND cấp xã...

- **Dòng 244 (Số quyết định về thi hành án dân sự có vi phạm):** thống kê số quyết định về thi hành án dân sự vi phạm về hình thức như: Trình tự, thủ tục, thẩm quyền ban hành quyết định, căn cứ điều luật... (quyết định về thi hành án dân sự bao gồm: Quyết định thi hành án; quyết định thu hồi, sửa đổi, bổ sung, huỷ quyết định thi hành án; quyết định trả đơn yêu cầu thi hành án, quyết định đình chỉ, tạm đình chỉ thi hành án...)

- **Dòng 245 (Số quyết định thi hành án gửi cho VKS vi phạm về thời hạn):** thống kê số quyết định về thi hành án dân sự gửi cho VKS vi phạm về thời hạn.

- **Dòng 246 (Số việc vi phạm về việc phân loại, xác minh điều kiện thi hành án):** thống kê số việc Cơ quan thi hành án dân sự phân loại không chính xác, không kịp thời điều kiện thi hành án...; không xác minh hoặc xác minh không đầy đủ điều kiện thi hành án...

- **Dòng 247 (Số việc vi phạm trong việc uỷ thác và nhận uỷ thác thi hành án):** thống kê số việc Cơ quan thi hành án uỷ thác và nhận uỷ thác thi hành án vi phạm về trình tự, thủ tục, thời hạn, thẩm quyền, nội dung ... như: Có căn cứ uỷ thác nhưng Cơ quan thi hành án không tiến hành uỷ thác hoặc trường hợp thi hành quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời của Toà án nhưng không thực hiện uỷ thác ngay hoặc trường hợp xác định người phải thi hành án có tài sản tại nơi cư trú khác nhưng không tiến hành uỷ thác để thi hành án, trước khi uỷ thác Cơ quan thi hành án chưa xử lý xong tài sản bị tạm giữ, thu giữ, tài sản bị kê biên tại địa bàn có liên quan đến khoản uỷ thác...; hoặc khi

nhận được quyết định uỷ thác Thủ trưởng Cơ quan thi hành án không ra quyết định thi hành và không thông báo bằng văn bản cho Cơ quan thi hành án đã uỷ thác...

- **Dòng 248 (Số việc vi phạm trong việc hoãn thi hành án):** thống kê số việc Cơ quan thi hành án quyết định hoãn thi hành án vi phạm về căn cứ, thời hạn, điều kiện được hoãn thi hành án như: Người phải thi hành án không bị ốm nặng hoặc không có tài sản; người được thi hành án không đồng ý cho người thi hành án hoãn thi hành...; hoặc khi căn cứ hoãn thi hành án không còn nhưng Thủ trưởng Cơ quan thi hành án không ra quyết định tiếp tục thi hành án...

- **Dòng 249 (Số việc vi phạm trong việc tạm đình chỉ thi hành án):** thống kê số việc Cơ quan thi hành án quyết định tạm đình chỉ thi hành án vi phạm về căn cứ, thời hạn, điều kiện được tạm đình chỉ thi hành án như: Cơ quan thi hành án không nhận được quyết định tạm đình chỉ thi hành án của người có thẩm quyền kháng nghị bản án, quyết định theo thủ tục giám đốc thẩm, tái thẩm; hoặc khi nhận được quyết định rút kháng nghị của người có thẩm quyền, quyết định giám đốc thẩm, tái thẩm của Toà án giữ nguyên bản án, quyết định bị kháng nghị... nhưng Thủ trưởng Cơ quan thi hành án không ra quyết định tiếp tục thi hành án...

- **Dòng 250 (Số việc vi phạm trong việc đình chỉ thi hành án):** thống kê số việc Cơ quan thi hành án quyết định đình chỉ thi hành án vi phạm về căn cứ đình chỉ thi hành án như: Người phải thi hành án chết không để lại di chúc hoặc theo quy định của pháp luật nghĩa vụ của người đó theo bản án, quyết định không được chuyển giao cho người thừa kế; bản án, quyết định bị huỷ một phần hoặc toàn bộ; quyết định được miễn hoặc giảm một phần nghĩa vụ thi hành án...

- **Dòng 251 (Số việc vi phạm trong việc áp dụng các biện pháp cưỡng chế thi hành án):** thống kê số việc Cơ quan thi hành án vi phạm về trình tự, thủ tục, thời gian... trong thực hiện việc cưỡng chế thi hành án dân sự như: Người phải thi hành án có điều kiện thi hành án mà không tự nguyện thi hành nhưng Cơ quan thi hành án không ra quyết định cưỡng chế thi hành án; trước khi tiến hành cưỡng chế không xây dựng kế hoạch cưỡng chế; kế hoạch không gửi cho VKS, Công an, UBND cấp xã nơi tổ chức cưỡng chế; vi phạm trong tổ chức cưỡng chế tài sản thuộc sở hữu chung, tài sản cưỡng chế là tiền, giấy tờ có giá, quyền sử dụng đất, trình tự thanh toán, hoàn trả...

- **Dòng 252 (Số việc vi phạm trong việc kê biên, định giá, bán đấu giá tài sản):** thống kê số việc Cơ quan thi hành án vi phạm về trình tự, thủ tục, thẩm quyền... trong thực hiện việc kê biên, định giá, bán đấu giá tài sản như: Tổ chức kê biên đối với tài sản không được kê biên (tài sản bị cấm lưu thông, lương thực đáp ứng nhu cầu thiết yếu của người phải thi hành án, đồ thờ cúng...); việc kê biên không được lập biên bản; không ký hợp đồng dịch vụ với tổ chức thẩm định giá trong trường hợp đương sự không thoả thuận được về giá...

- **Dòng 253/ 254/ 255/ 256/ 257 (Số việc vi phạm việc áp dụng biện pháp bảo đảm thi hành án/ Số việc vi phạm chuyển giao quyền, nghĩa vụ thi hành án/ Số việc vi phạm về áp dụng các biện pháp khẩn cấp tạm thời/ Số**

việc vi phạm thi hành án khoản tịch thu sung quỹ Nhà nước, hoàn trả tiền, tài sản kê biên, tạm giữ trong bản án/ Số việc vi phạm trong việc Cơ quan THADS thi hành án đối với khoản thu nộp ngân sách Nhà nước): thống kê số việc Cơ quan thi hành án vi phạm theo loại vi phạm.

- **Dòng 258 (Số việc vi phạm trong việc xử lý tài sản, vật chứng):** thống kê số việc Cơ quan thi hành án vi phạm về trình tự, thủ tục, chuyển giao... trong việc xử lý vật chứng, tài sản tạm giữ bị Toà án tuyên tịch thu sung quỹ Nhà nước; tiêu huỷ vật chứng, tài sản; trả lại cho đương sự hoặc để đảm bảo thi hành án... như: Quá thời hạn kể từ ngày ra quyết định thi hành án nhưng Cơ quan thi hành án không thông báo bằng văn bản và giao vật chứng, tài sản bị tạm giữ cho Cơ quan tài chính cùng cấp; quá thời hạn một tháng kể từ ngày ra quyết định thi hành án Cơ quan thi hành án không thành lập Hội đồng tiêu huỷ vật chứng, tài sản thuộc diện tiêu huỷ...

- **Dòng 259 (Số việc vi phạm trong việc lập hồ sơ xét miễn, giảm tiền thi hành án):** thống kê số việc Cơ quan thi hành án vi phạm về trình tự, thủ tục, thời hạn... trong việc lập hồ sơ xét miễn, giảm tiền thi hành án đối với khoản thu nộp ngân sách Nhà nước như: Hồ sơ đề nghị xét miễn, giảm tiền thi hành án không đầy đủ các danh mục quy định như: Không có văn bản đề nghị xét miễn, giảm nghĩa vụ thi hành của Thủ trưởng Cơ quan thi hành án dân sự, không xác minh điều kiện thi hành án của người thi hành án, không có ý kiến bằng văn bản của VKS cùng cấp...

- **Dòng 260 (Số việc vi phạm trong việc thu, quản lý, xử lý tiền, tài sản thi hành án):** thống kê số việc Cơ quan thi hành án vi phạm về trình tự, thủ tục, định mức khấu trừ, quản lý và xử lý tiền, tài sản thi hành án như: Việc khấu trừ tiền trong tài khoản hoặc trừ vào thu nhập của người phải thi hành án, quyết định trừ thu nhập của người phải thi hành án vượt quá phần trăm tổng số tiền được nhận hàng tháng, việc thu tiền không cấp biên lai thu tiền cho người nộp tiền; việc quản lý tiền, tài sản thu được từ thi hành án dân sự không đúng quy định pháp luật về tài chính, kế toán như: Không lập chứng từ thu chi, không nộp tiền vào tài khoản quản lý của hệ thống cơ quan Kho bạc Nhà nước...

- **Dòng 261 (Số việc vi phạm trong việc không ra QĐ thu phí THA):** thống kê số việc Cơ quan thi hành án không ra QĐ thu phí thi hành án đối với trường hợp phải thu phí THA dân sự theo quy định.

- **Dòng 262 (Số bản án, quyết định Toà án vi phạm thời hạn chuyển giao cho Cơ quan thi hành án):** thống kê số bản án, quyết định của Toà án đã ra bản án, quyết định vi phạm về thời hạn chuyển giao bản án, quyết định cho Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền để tổ chức thi hành án... và đối với quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời thì Toà án đã ra quyết định phải chuyển giao cho Cơ quan thi hành án dân sự ngay sau khi ra quyết định...

- **Dòng 263 (Số quyết định buộc thi hành án hành chính của Toà án có vi phạm):** thống kê số quyết định buộc thi hành án hành chính của Toà án có vi phạm về trình tự, thủ tục thẩm quyền ban hành quyết định, căn cứ điều luật...

- **Dòng 264 (Số việc Toà án có vi phạm trong việc xét miễn, giảm tiền thi hành án):** thống kê số việc Cơ quan thi hành án vi phạm về trình tự, thủ tục, thời hạn, điều kiện, thẩm quyền... trong việc xét miễn, giảm tiền thi hành án đối với khoản thu nộp ngân sách Nhà nước như: Quyết định cho miễn, giảm tiền thi hành án đối với trường hợp người không có tài sản để thi hành án khi chưa đủ thời hạn đối với các khoản án phí không có giá ngạch...

- **Dòng 265 (Số việc có vi phạm khác trong THA dân sự và THA hành chính):** thống kê số việc có vi phạm khác không thuộc các vi phạm nêu trên (từ Dòng 242 - Dòng 264) trong thi hành án dân sự, hành chính.

10. Vi phạm trong thụ lý, giải quyết khiếu nại, tố cáo về tư pháp:

- **Dòng 266 (Số lần vi phạm trong việc tiếp công dân):** thống kê số lần các cơ quan tư pháp (CQĐT, VKS, Toà án, Thi hành án và cơ quan khác được giao thực hiện một số việc liên quan đến hoạt động tư pháp) vi phạm trong việc thực hiện quy định về tiếp công dân như: Công dân đến khiếu nại, tố cáo không được cơ quan tư pháp cử cán bộ, lãnh đạo tiếp công dân hoặc tiếp công dân không đúng nơi quy định...

- **Dòng 267/ 268/ 269/ 270/ 271 (CQĐT/ Cơ quan VKS/ Cơ quan Toà án/ Cơ quan Thi hành án/ Cơ quan khác):** thống kê số lần vi phạm các cơ quan tư pháp trong việc tiếp công dân tại Dòng 266.

- **Dòng 272 (Số lần vi phạm trong việc tiếp nhận, phân loại, thụ lý đơn):** thống kê số lần các cơ quan tư pháp vi phạm trong việc tiếp nhận, thụ lý đơn khiếu nại, tố cáo như: Không tiếp nhận đơn hoặc tiếp nhận không vào sổ thụ lý để quản lý, theo dõi; không thông báo cho người khiếu nại, tố cáo biết việc thụ lý giải quyết; thụ lý đơn trong trường hợp hết thời hiệu hoặc trong các trường hợp không được thụ lý giải quyết; chuyển đơn khiếu nại, tố cáo không đúng thẩm quyền...

- **Dòng 273/ 274/ 275/ 276/ 277 (CQĐT/ Cơ quan VKS/ Cơ quan Toà án/ Cơ quan Thi hành án/ Cơ quan khác):** thống kê số lần vi phạm của các cơ quan tư pháp trong việc tiếp nhận, thụ lý đơn khiếu nại, tố cáo tại Dòng 272.

- **Dòng 278 (Số lần có vi phạm về việc thực hiện trách nhiệm bảo vệ người tố cáo):** thống kê số lần các cơ quan tư pháp vi phạm về phạm vi, đối tượng, thời hạn và nội dung trong việc thực hiện trách nhiệm bảo vệ người tố cáo như: Không đảm bảo bí mật thông tin cho người tố cáo như: Tên, tuổi, địa chỉ, nghề nghiệp...; không có các biện pháp cần thiết để bảo vệ người tố cáo tại nơi công tác, nơi cư trú và tài sản, tính mạng của người tố cáo dẫn đến người tố cáo bị trù dập, bị phân biệt đối xử; tài sản, tính mạng của người bị tố cáo bị xâm phạm hoặc bị đe dọa...

- **Dòng 279/ 280/ 281/ 282/ 283 (CQĐT/ Cơ quan VKS/ Cơ quan Toà án/ Cơ quan Thi hành án/ Cơ quan khác):** thống kê số lần vi phạm của các cơ quan tư pháp trong việc thực hiện trách nhiệm bảo vệ người tố cáo tại Dòng 278.

- **Dòng 284 (Số đơn có vi phạm về trình tự, thủ tục giải quyết):** thống kê số đơn khiếu nại, tố cáo các cơ quan tư pháp giải quyết vi phạm về trình tự, thủ tục, nội dung... giải quyết như: Vi phạm thời hạn giải quyết; quá trình giải quyết không tiến hành lập biên bản xác minh; việc xây dựng và lập hồ sơ giải quyết không đầy đủ, kết thúc việc giải quyết không ban hành quyết định giải quyết đối với đơn khiếu nại hoặc kết luận giải quyết đối với đơn tố cáo; không gửi kết quả giải quyết cho người khiếu nại, tố cáo... hoặc vi phạm trong việc áp dụng các biện pháp khẩn cấp khi giải quyết...

- **Dòng 285/ 286/ 287/ 288/ 289 (CQĐT/ Cơ quan VKS/ Cơ quan Tòa án/ Cơ quan Thi hành án/ Cơ quan khác):** thống kê số đơn các cơ quan tư pháp vi phạm về trình tự, thủ tục giải quyết đơn khiếu nại, tố cáo tại Dòng 284.

- **Dòng 290 (Số đơn có vi phạm thẩm quyền thụ lý giải quyết đơn):** thống kê số đơn khiếu nại, tố cáo các cơ quan tư pháp vi phạm về thẩm quyền, nội dung giải quyết đơn khiếu nại, tố cáo như: Thụ lý giải quyết đơn khiếu nại, tố cáo không có chữ ký hoặc điểm chỉ của người khiếu nại, tố cáo (đơn nặc danh); nội dung đơn khiếu nại, tố cáo không thuộc phạm vi, chức năng và nhiệm vụ của các cơ quan tư pháp phải giải quyết...

- **Dòng 291/ 292/ 293/ 294/ 295 (CQĐT/ Cơ quan VKS/ Cơ quan Tòa án/ Cơ quan Thi hành án/ Cơ quan khác):** thống kê số đơn các cơ quan tư pháp vi phạm về thẩm quyền thụ lý giải quyết đơn khiếu nại, tố cáo tại Dòng 290.

- **Dòng 296 (Số đơn vi phạm về nội dung giải quyết):** thống kê số đơn mà các cơ quan có thẩm quyền thụ lý, giải quyết vi phạm về nội dung như: Các QĐ giải quyết không có căn cứ hoặc trái pháp luật mà đã được cơ quan có thẩm quyền kết luận về nội dung giải quyết là không có căn cứ hoặc trái pháp luật.

Lưu ý: Căn cứ thống kê vào Dòng này là khi có của cơ quan có thẩm quyền kết luận về nội dung giải quyết trong QĐ giải quyết đơn khiếu nại, tố cáo của các cơ quan đã thụ lý, giải quyết là không có căn cứ hoặc trái pháp luật (Ví dụ: Tại kỳ thống kê trước, các cơ quan có thẩm quyền đã giải quyết đơn KN, TC bị khiếu nại lên cấp có thẩm quyền đề nghị tiếp tục giải quyết thì chưa thống kê. Đến kỳ thống kê sau, khi cơ quan có thẩm quyền **kết luận** về nội dung giải quyết của các cơ quan đó là không có căn cứ hoặc trái pháp luật thì mới thống kê vào Dòng này).

- **Dòng 297/ 298/ 299/ 300/ 301 (Cơ quan điều tra, Cơ quan VKS, Cơ quan Tòa án, Cơ quan THA, Cơ quan khác):** phân tổ theo cơ quan giải quyết đơn KN, TC vi phạm về nội dung của Dòng 296.

- **Dòng 302 (Số việc kiểm sát giải quyết khiếu nại, tố cáo có vi phạm):** thống kê số việc VKS thực hiện chức năng kiểm sát việc tuân theo pháp luật trong giải quyết khiếu nại, tố cáo đối với các cơ quan tư pháp mà vi phạm về trình tự, thủ tục, thời gian tiến hành kiểm sát... như: Trực tiếp kiểm sát nhưng không ban hành quyết định trực tiếp kiểm sát, quá trình kiểm sát không lập biên

bản, kết thúc cuộc kiểm sát không ban hành kết luận, kiến nghị hoặc kháng nghị...

- **Dòng 303 (Số bản kết luận, kiến nghị, kháng nghị của VKS ban hành thông qua hoạt động kiểm sát việc giải quyết KNTC đối với các cơ quan tư pháp không có căn cứ và không được cơ quan bị kiểm sát chấp nhận):** thống kê số bản kết luận, kiến nghị, kháng nghị của VKS thông qua hoạt động kiểm sát việc giải quyết khiếu nại, tố cáo trong lĩnh vực tư pháp của các cơ quan tư pháp không có căn cứ và không được cơ quan bị kiểm sát chấp nhận sửa chữa, khắc phục vi phạm.

- **Dòng 304 (Số lần vi phạm khác trong thụ lý, giải quyết khiếu nại, tố cáo về tư pháp):** thống kê số lần có vi phạm khác không thuộc các vi phạm nêu trên (từ Dòng 266 - Dòng 303) trong giải quyết và kiểm sát việc giải quyết khiếu nại, tố cáo về tư pháp.

11. Xử lý người có hành vi vi phạm pháp luật:

- **Dòng 305 (Số người bị xử lý kỷ luật, xử lý hành chính):** thống kê những người có thẩm quyền, trách nhiệm trong giải quyết và kiểm sát việc giải quyết án hình sự; dân sự, hôn nhân gia đình; kinh doanh thương mại, lao động, hành chính; thi hành án và giải quyết khiếu nại, tố cáo về tư pháp mà vi phạm bị xử lý kỷ luật, xử lý hành chính.

- **Dòng 306/ 307/ 308/ 309/ 310 (CQĐT/ Cơ quan VKS/ Cơ quan Tòa án/ Cơ quan Thi hành án/ Cơ quan khác):** thống kê số người bị xử lý kỷ luật, xử lý hành chính thuộc CQĐT, VKS, Tòa án, cơ quan Thi hành án dân sự và cơ quan khác tại Dòng 305.

- **Dòng 311 (Số người bị khởi tố bị can):** thống kê số người có thẩm quyền, trách nhiệm trong giải quyết và kiểm sát việc giải quyết án hình sự; dân sự, hôn nhân gia đình; kinh doanh thương mại, lao động, hành chính; thi hành án và giải quyết khiếu nại, tố cáo về tư pháp mà vi phạm bị khởi tố bị can.

- **Dòng 312/ 313/ 314/ 315/ 316 (CQĐT/ Cơ quan VKS/ Cơ quan Tòa án/ Cơ quan Thi hành án/ Cơ quan khác):** thống kê số người bị khởi tố bị can thuộc CQĐT, VKS, Tòa án, cơ quan Thi hành án và cơ quan khác tại Dòng 311.

- **Dòng 317 (Số người VKS yêu cầu CQĐT khởi tố thông qua hoạt động kiểm sát):** thống kê số người có thẩm quyền, trách nhiệm trong thực hiện công tác mà vi phạm pháp luật bị VKS yêu cầu CQĐT khởi tố bị can.

- **Dòng 318 (Số bị can VKS khởi tố thông qua hoạt động kiểm sát):** thống kê số người có thẩm quyền, trách nhiệm trong thực hiện công tác mà vi phạm pháp luật bị VKS khởi tố bị can trong tổng số người bị khởi tố bị can tại Dòng 311.